

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2021.

*Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn".*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Minh Khôi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cửu Hưng và bà Võ Thị Kim Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Lê Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố A, phường Đông L, thành phố ĐH, tỉnh QT; địa chỉ cư trú mới: Số 07 kiệt 64 Nguyễn Công T, phường Phú H, thành phố H, tỉnh TTH - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng Mai - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư HM; địa chỉ: Số 43 Trần Đại N, khu phố A, Phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh QT - Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Hoài S, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố A, phường Đông L, thành phố ĐH, tỉnh QT - Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A; Trụ sở đóng tại: Số 08 Láng Hạ, phường TC, quận BĐ, thành phố HN.

**Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Công C - Giám đốc Phòng giao dịch số 3 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A – Chi nhánh thành phố ĐH, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 và số 125/QĐ/NHNoĐH-TH ngày 18 tháng 6 năm 2021 - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2021 và tại các phiên hòa giải ngày 31/3/2021, ngày 18/6/2021 nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Hoài S kết hôn với nhau vào trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/3/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc. Nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S thường xuyên chửi mắng Chị H và nhiều lần hành hung đánh đập Chị H. Tuy Chị H đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng cùng nhau chung sống, nuôi dạy con cái, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay Chị H thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và chị không còn tình cảm gì với anh S nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Hoài S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 03/7/2001 và Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07/11/2009. Khi ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Đối với cháu Hoàng Thị Thu H đã thành niên nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*:

+ *Tài sản chung*: Chị H và anh S có tài sản chung gồm: 01 nhà hai tầng và 01 quán bán hàng gắn liền với Quyền sử dụng đất, diện tích 204m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số: 78 (lô số 90), tờ bản đồ số: 38, địa chỉ thửa đất: KDC Lý Thường Kiệt, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 589322 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 02/02/2016. Tổng giá trị tài sản chung là 2.000.000.000 đồng.

+ *Nợ chung*: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A – chi nhánh thành phố ĐH, tỉnh QT số tiền 382.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3902/LAV-202001138 và chứng từ giao dịch ngày 08/02/2021.

Chị H yêu cầu giải quyết chia đôi giá trị tài sản và nghĩa vụ trả nợ chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chi Hiền có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

2. *Tại đơn trình bày về việc ly hôn ngày 01/3/2021; biên bản hòa giải ngày 31/3/2021, ngày 18/6/2021 bị đơn anh Hoàng Hoài S trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hoàng Hoài S thừa nhận ý kiến trình bày của Chị H về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân là đúng sự thật. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với Chị H và mong muốn vợ chồng cùng nhau đoàn tụ để nuôi dạy con chung nên anh S không đồng ý ly hôn với Chị H.

- *Về con chung*: Như Chị H trình bày là đúng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh S có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07/11/2009, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 03/7/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tại văn bản số: 97/NHN0ĐH-TD ngày 02/3/2021 và tại phiên tòa*, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A - Chi nhánh thành phố ĐH yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh S, Chị H trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn A với số tiền 327.522.448 đồng; trong đó nợ gốc: 327.444.938 đồng, nợ lãi 77.510 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Chị H rút không yêu cầu Tòa

án giải quyết tài sản chung và nợ chung. Phía Ngân hàng đồng ý với việc rút yêu cầu về chia tài sản và nợ chung của Chị H và không có yêu cầu gì.

***Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

+ Cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Hoàng Hoài S.

+ Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07/11/2009 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Hoài S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử do chị Phạm Thị H rút yêu cầu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Hoài S đã kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/3/2001. Do đó quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng anh S, Chị H chỉ sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên chửi mắng và nhiều lần hành hung đánh đập Chị H, tuy Chị H cố gắng chịu đựng để cùng nhau chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến Chị H đã sống ly thân với anh S. Trong thời gian sống ly thân giữa Chị H và anh S không hề quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, tuy anh S mong muốn được đoàn tụ, nhưng Chị H cho rằng tình cảm vợ chồng chỉ

không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên Chị H kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Do đó cho thấy, trong quan hệ hôn nhân anh S đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng Chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H và cho Chị H được ly hôn với anh S.

- *Về con chung*: Vợ chồng Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 03/7/2001 và Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07/11/2009, khi ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thấy rằng:

Cháu Hoàng Ngọc T đã 12 tuổi, hiện đang ở với chị Hiện. Quá trình giải quyết vụ án cháu có nguyện vọng được ở với Chị H và Chị H cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu T nên giao cháu T cho Chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, Chị H yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng, xét thấy chỉ chấp nhận 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp.

Đối với cháu Hoàng Thị Thu H đã thành niên Chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án Chị H rút không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung; anh S không có yêu cầu giải quyết tài sản chung nên đình chỉ đối với yêu cầu này của Chị H.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với việc Chị H rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung và cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ trả nợ chung nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu án ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Hoài S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho Chị H.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2 Điều 81,; khoản 2, khoản 3, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Hoàng Hoài S.

- *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07/11/2009 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Hoài S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử do chị Phạm Thị H rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000911 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền chênh lệch là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

+ Anh Hoàng Hoài S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- UBND Phường 5, TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, DA.

**Tạ Minh Khôi**